

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 24



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Global Tanker (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Global Tanker là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315118069 cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2018 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;

Trụ sở chính của Công ty tại số 16 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mai Xuân	Thành viên
Bà Trần Lê Thùy Đan	Thành viên

Ban Giám đốc	
Ông Mai Văn Toàn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát	
Ông Trần Quốc Nhân	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Mân	Thành viên
Bà Mạc Thị Như Thủy	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Tiến Dũng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 22 tháng 03 năm 2023

Số: 58a-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Global Tanker

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Global Tanker, được lập ngày 22/03/2023, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình Tài chính của Công ty Cổ Phần Global Tanker tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm Tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM HỮU BÀN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2023

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Hồ Nam

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 4308-20123-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.386.768.109	42.952.494.139
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.820.768.370	4.603.604.422
1. Tiền	111		9.820.768.370	4.603.604.422
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	6.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.125.114.316	9.795.605.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.892.782.219	9.230.093.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.287.307.698	272.395.082
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.945.024.399	293.116.225
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	23.996.338.130	14.241.720.538
1. Hàng tồn kho	141		23.996.338.130	14.241.720.538
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.444.547.293	14.311.564.076
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.819.354.372	429.038.780
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.625.192.921	13.882.525.296
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.598.566.304	385.839.684.348
I. Tài sản cố định	220		314.598.566.304	385.839.684.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	314.598.566.304	385.839.684.348
- Nguyên giá	222		555.542.476.967	555.542.476.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.943.910.663)	(169.702.792.619)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(35.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		465.985.334.413	428.792.178.487

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		161.560.109.461	200.752.581.344
I. Nợ ngắn hạn	310		93.820.129.463	116.900.881.344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	9.166.163.606	33.160.699.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	-	23.024.224.572
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.181.782.471	1.735.331.909
4. Phải trả người lao động	314		265.700.000	881.200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	15.593.624.497	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.619.283.889	625.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	58.993.575.000	53.610.800.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	4.488.000.000
II. Nợ dài hạn	320		67.739.979.998	83.851.700.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	65.153.100.000	82.366.700.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	2.586.879.998	1.485.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.425.224.952	228.039.597.143
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	304.425.224.952	228.039.597.143
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.425.224.952	28.039.597.143
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	15.187.838.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		29.425.224.952	12.851.758.384
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		465.985.334.413	428.792.178.487

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Vũ Yên Linh

Ngày 22 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		511.959.268.526	307.193.636.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	511.959.268.526	307.193.636.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	456.422.299.404	286.531.330.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.536.969.122	20.662.306.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.143.681.296	4.835.055.671
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.223.228.578	5.037.012.723
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.578.495.129	5.022.804.375
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.061.230.339	1.904.010.258
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.396.191.501	18.556.338.910
11. Thu nhập khác	31	VI.6	13.677.138.694	2.147.319.372
12. Chi phí khác	32	VI.7	12.929.727.232	4.140.808.286
13. Lợi nhuận khác	40		747.411.462	(1.993.488.914)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.143.602.963	16.562.849.996
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	8.463.378.245	3.711.091.612
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.680.224.718	12.851.758.384
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.393	643

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Vũ Yến Linh

Ngày 22 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.143.602.963	16.562.849.996
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	71.241.118.044	70.377.109.060
- Các khoản dự phòng	03	(3.386.120.002)	(9.583.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.967.800.298	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.074.016)	(4.946.170)
- Chi phí lãi vay	06	10.578.495.129	5.022.804.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.519.822.416	82.374.817.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(71.087.756.810)	(4.886.048.815)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.754.617.592)	(4.098.554.216)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(26.488.670.536)	(47.616.737.209)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.390.315.592)	227.961.871
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.578.495.129)	(5.022.804.375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.708.787.534)	(9.278.201.147)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.488.820.777)	11.700.433.370
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(6.592.890.931)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay	27	25.074.016	4.946.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.974.925.984)	(6.587.944.761)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.150.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	50.000.000.000	40.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(63.610.800.000)	(46.197.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.389.350.000	(6.197.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	25.925.603.239	(1.085.361.391)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.603.604.422	6.924.278.313
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(708.439.291)	(1.235.312.500)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.820.768.370	4.603.604.422

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Vũ Yên Linh

Ngày 22 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Tiến Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Global Tanker là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315118069 cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2018 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi đổi lần 4 ngày 17 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 16 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải xăng dầu, hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 01-08 năm |
| - Phần mềm quản lý | 2 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	5.000	5.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.820.763.370	4.603.599.422
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
Cộng	29.820.768.370	4.603.604.422

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	6.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	-

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 8,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Vietsea Company Pte Ltd	16.810.863.801	-
PGSEA TRADE DMCC	3.833.423.130	
Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	34.248.495.288	9.230.093.796
Cộng	54.892.782.219	9.230.093.796

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ Phần ALLSEA DMCC	1.052.205.780	-
Công ty TNHH Legendsea	6.045.750.000	-
Trả trước cho người bán khác	1.189.351.918	272.395.082
Cộng	8.287.307.698	272.395.082

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tạm ứng	710.000.000	1.221.000
Thuế VAT chưa khấu trừ	100.238.041	291.895.225
Phải thu về bảo hiểm xã hội	5.490.000	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí Mê Kông - thanh toán hộ công nợ và sửa chữa tàu Mekongtrans 01	10.129.296.358	-
Cộng	10.945.024.399	293.116.225

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.753.893.039	-	14.241.720.538	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.242.445.091	-	-	-
Cộng	23.996.338.130	-	14.241.720.538	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phí bảo hiểm tàu	470.624.040	429.038.780
Chi phí sửa chữa tàu Unity	1.115.925.021	-
Chi phí trước hoạt động tàu Unity	2.232.805.311	-
Cộng	3.819.354.372	429.038.780

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND
	<u>Phương tiện vận tải</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm(*)	555.542.476.967
Tăng trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>555.542.476.967</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	169.702.792.619
Khấu hao trong năm	71.241.118.044
Số dư cuối năm	<u>240.943.910.663</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	385.839.684.348
Tại ngày cuối năm	<u>314.598.566.304</u>

(*) Tài sản góp vốn từ Công ty Cổ phần Vận tải biển Khai Nguyên gồm 05 tàu dầu: Prime Sands, Prime Sky, Prime Synergy, Prime Senere, Prime Senator theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02-18/NG-HĐQT ngày 01 tháng 06 năm 2018 về việc quyết định thành lập Công ty Cổ phần Global Tanker, theo đó, giá trị phần góp vốn sẽ bằng giá trị còn lại của các con tàu trừ đi các khoản vay dài hạn mua sắm tàu trước đó theo các biên bản ba bên (xem thêm thuyết minh 15).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp như sau:

- Tàu DONG-A PONTUS (TÀU GT PEACE), IMO 9321639 có giá trị còn lại theo sổ sách là 85.292.809.801 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội
- Tàu DONGA CHRONOS (tàu GT VICTORY), IMO 932641 có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.492.357.609 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn
- Tàu GOLDEN ATLAS (tàu GT EQUALITY), IMO 9205512 không còn giá trị theo sổ sách nhưng đang được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn.
- Tàu GT Freedom, IMO 9254927 có giá trị còn lại theo sổ sách là 127.813.398.894 VND được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 21.866.611.836 đồng (tại ngày 31/12/2021 là: 21.866.611.836 đồng).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND
	<u>Phần mềm máy tính</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	35.000.000
Số dư cuối năm	<u>35.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	35.000.000
Số dư cuối năm	<u>35.000.000</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan	3.932.467.925	1.657.651.506
Công ty Cổ Phần Biển Việt	3.932.467.925	1.657.651.506
Bên thứ ba	5.284.882.240	31.503.048.357
Đại lý Vietsea SGD	2.994.154.687	7.131.944.973
Vietsea Company Pte Ltd	-	7.450.074.031
Công Ty Cổ Phần ALLSEA DMCC	-	7.682.972.532
Công ty Cổ Phần Âu Lạc	-	2.788.310.000
Công ty Cổ Phần Hàng Hải - Dầu Khí Hải Âu	-	4.902.622.945
Phải trả người bán khác	2.239.540.994	1.547.123.876
Cộng	9.166.163.606	33.160.699.863

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Vietsea Company Pte Ltd	-	23.024.224.572
Cộng	-	23.024.224.572

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp /cần trừ trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.708.787.534	8.463.378.245	4.708.787.534	4.139.691.517
Thuế thu nhập cá nhân	26.544.375	179.804.065	164.257.486	42.090.954
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.735.331.909	8.646.182.310	4.876.045.020	4.181.782.471

13. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	146.648.194	-
Phí đại lý tàu	394.665.815	-
Tiền cấp bunker tàu tháng 12	14.582.978.074	-
Chi phí phải trả khác	469.332.414	-
Cộng	15.593.624.497	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	625.000
Thu hộ phí quản lý tàu năm 2022- Công ty Cổ Phần ALLSEA DMCC	5.619.283.889	-
Cộng	5.619.283.889	625.000

15. Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	4.488.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tàu	-	4.488.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	2.586.879.998	1.485.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tàu	2.586.879.998	1.485.000.000
Cộng	2.586.879.998	5.973.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2022	Trong năm		31/12/2022
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay dài hạn hạn đến hạn trả	53.610.800.000	68.993.575.000	63.610.800.000	58.993.575.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – CN Hà Nội (a)	24.066.000.000	18.687.375.000	24.066.000.000	18.687.375.000
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – CN Sài Gòn (b)	21.544.800.000	22.306.200.000	21.544.800.000	22.306.200.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành (c)	8.000.000.000	28.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Vay dài hạn hạn	82.366.700.000	52.108.200.000	69.321.800.000	65.153.100.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – CN Hà Nội (a)	18.049.500.000	787.500.000	18.837.000.000	-
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – CN Sài Gòn (b)	32.317.200.000	1.320.700.000	22.484.800.000	11.153.100.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành(c)	32.000.000.000	50.000.000.000	28.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	135.977.500.000	121.101.775.000	132.932.600.000	124.146.675.000

Theo các thoả thuận ba bên số 25.12.1.2018; 25.12.2018 ngày 25 tháng 12 năm 2018 giữa ngân hàng **TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Vận tải biển Khai Nguyên và Công ty Cổ phần Global Tanker** và biên bản thoả thuận 441.0042/2017/TTBB ngày 15 tháng 07 năm 2019 giữa ngân hàng **TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn, Công ty Cổ phần Vận tải biển Khai Nguyên và Công ty Cổ phần Global Tanker** về việc chuyển đổi nợ vay từ Công ty Cổ phần Vận tải biển Khai Nguyên sang Công ty Cổ phần Global Tanker, chi tiết các hợp đồng vay như sau:

- a) Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng số 0031/2016/HĐTD-DN ngày 26/07/2016 hạn mức tín dụng với số tiền là 7.350.000 USD để Tài trợ mua tàu chở dầu, hoá chất DONG-A PONTUS, đóng năm 2006 tại Hàn Quốc, trọng tải toàn phần 12.940 DWT, IMO 9321639, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó lãi suất cơ sở là: lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng USD do OCB công bố tại thời điểm tính lãi. Biên độ lãi suất là 3,3%/năm. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay là tài sản được đầu tư từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2022 là 18.687.375.000 đồng tương đương 787.500 USD.
- b) Vay ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn Hợp đồng số 441.0042/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/04/2017 hạn mức tín dụng với số tiền là 6.580.000 USD để Tài trợ dự án đầu tư mua tàu chở xăng, dầu trọng tải 13.000 DWT (Tàu Prime Sands), thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu tiên là 4%, và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng USD kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của PG Bank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) Biên độ 4,5% khi lãi suất huy động USD kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của PG Bank là 0%. Trường hợp lãi suất huy động USD kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của PG Bank lớn hơn 0%, biên độ sẽ được giảm xuống và do hai bên cùng thoả thuận cho phù hợp với mức lãi suất thị trường. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay là tài sản được đầu tư từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2022 là 33.459.300.000 đồng tương đương 1.410.000 USD (trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là 22.306.200.000 đồng tương đương 940.000 USD).
- c) Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng 2603/2021/HĐCV/GT ngày 22/11/2021. Giá trị khoản vay 90.000.000.000, Mục đích sử dụng vốn: cho vay bù đắp chi phí đầu tư Tàu chở dầu GT Freedom. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ/ Khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay là Tàu GT Freedom. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2022 là 72.000.000.000 đồng. (trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là 18.000.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	9.893.091.850	209.893.091.850
Lãi trong năm trước	-	12.851.758.384	12.851.758.384
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	22.744.850.234	222.744.850.234
Tăng vốn trong kỳ này	50.000.150.000	-	50.000.150.000
Lãi trong kỳ này	-	31.680.224.718	31.680.224.718
Chia cổ tức (*)	24.999.850.000	(24.999.850.000)	-
Số dư cuối kỳ này	275.000.000.000	29.425.224.952	304.425.224.952

(*) Cổ tức được chia là phần lợi nhuận giữ lại của năm 2021 và năm 2022.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến	87.952.650.000	31,98	63.965.570.000	31,98
Bà Trần Lê Thùy Đan	69.984.060.000	25,45	50.897.510.000	25,45
Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp	15.331.100.000	5,57	13.627.650.000	6,81
Dương Hoàng Dũng	17.831.690.000	6,48	-	-
Huỳnh Thị Hồng Châu	17.833.650.000	6,48	15.852.140.000	7,93
Vốn góp của các đối tượng khác	66.066.850.000	24,02	55.657.130.000	27,83
Cộng	275.000.000.000	100	200.000.000.000	100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	75.000.000.000	-
Vốn góp cuối kỳ	275.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức đã chia	(24.999.850.000)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.500.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.500.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	20.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	511.959.268.526	307.193.636.909
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	511.959.268.526	307.193.636.909
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	456.422.299.404	286.531.330.689
Cộng	456.422.299.404	286.531.330.689
Giá vốn hàng bán với các bên liên quan:		
Công ty Cổ Phần Biển Việt	7.107.801.844	22.674.998.359
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.074.016	4.946.170
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.118.607.280	4.830.109.501
Cộng	6.143.681.296	4.835.055.671

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	10.578.495.129	5.022.804.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.644.733.449	14.208.348
Cộng	15.223.228.578	5.037.012.723

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí cho nhân viên	1.908.954.717	1.580.668.957
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.371.275.622	320.341.301
Chi phí bằng tiền khác	778.000.000	-
Cộng	7.061.230.339	1.904.010.258

6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu từ bán nhiên liệu khi bàn giao tàu cho thuê	11.351.754.678	2.147.292.521
Thu từ phạt, bồi thường	1.722.454.643	-
Thu nhập khác	602.929.373	26.851
Cộng	13.677.138.694	2.147.319.372

7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn nhiên liệu khi bàn giao tàu cho thuê	11.394.290.394	2.148.200.221
Gốc và lãi vay trả hộ	1.057.806.413	1.924.483.251
Thuế phạt chậm nộp	13.448.137	44.751.614
Chi phí khác	464.182.288	23.373.200
Cộng	12.929.727.232	4.140.808.286

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.143.602.963	16.562.849.996
Các khoản điều chỉnh tăng	2.173.288.260	1.992.608.065
Thu nhập tính thuế	42.316.891.223	18.555.458.061
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.463.378.245	3.711.091.612

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.680.224.718	12.851.758.384
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.680.224.718	12.851.758.384
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	22.738.159	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.393	643

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.872.109.584	111.249.976.139
Chi phí nhân công	32.404.813.820	25.299.210.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.241.118.044	70.377.109.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.426.933.386	53.293.974.049
Chi phí khác bằng tiền	6.781.000.000	28.215.071.000
Cộng	465.725.974.834	288.435.340.947

VII. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vay theo kế ước thông thường	50.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	40.000.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(63.610.800.000)	(46.197.850.000)
Cộng	(63.610.800.000)	(46.197.850.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác trong năm như sau:

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị		498.000.000	355.250.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	258.000.000	355.250.000
Bà Nguyễn Thị Mai Xuân	Thành viên	120.000.000	-
Bà Trần Lê Thùy Đan	Thành viên	120.000.000	-
Ban Giám đốc		661.900.000	475.490.000
Ông Mai Văn Toàn	Phó Giám đốc	661.900.000	475.490.000
Ban Kiểm soát		240.000.000	-
Ông Trần Quốc Nhân	Trưởng ban	120.000.000	-
Ông Lê Thanh Mân	Thành viên	60.000.000	-
Bà Mạc Thị Như Thủy	Thành viên	60.000.000	-
Cộng		1.399.900.000	830.740.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố lại như sau :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số liệu tại ngày 31/12/2021		
	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	42.952.494.139	36.334.060.502	(6.618.433.637)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	14.311.564.076	7.693.130.439	(6.618.433.637)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	13.882.525.296	7.264.091.659	(6.618.433.637)
C. NỢ PHẢI TRẢ	200.752.581.344	199.428.894.616	(1.323.686.728)
I. Nợ ngắn hạn	116.900.881.344	115.577.194.616	(1.323.686.728)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.735.331.909	411.645.181	(1.323.686.728)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	228.039.597.143	222.744.850.234	(5.294.746.909)
I. Vốn chủ sở hữu	228.039.597.143	222.744.850.234	(5.294.746.909)
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.039.597.143	22.744.850.234	(5.294.746.909)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	15.187.838.759	9.893.091.850	(5.294.746.909)
- LNST chưa phân phối kỳ này	12.851.758.384	12.851.758.384	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Trần Vũ Yến Linh

Ngày 22 tháng 03 năm 2023



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Tiến Dũng